

**PHỤ LỤC**  
**Số lượng Đội dân phòng và số lượng thành viên**  
**Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**  
*(Kèm theo Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND)*

| Stt      | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng Đội dân phòng | Số lượng thành viên Đội dân phòng | Ghi chú |
|----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------|-----------------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Xã Tân Hồng</b>  |                       | <b>39.823</b> | <b>13</b>              | <b>91</b>                         |         |
|          |                     | Ấp 1                  | 3.598         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp 2                  | 4.765         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp 3                  | 3.156         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Bắc Trang 1        | 2.595         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Bắc Trang 2        | 1.951         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thống Nhất 1       | 2.949         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thống Nhất 2       | 1.954         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Rọc Muống          | 2.868         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thành Lập          | 1.211         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Gò Da              | 4.673         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Công Tạo           | 5.073         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Cả Găng            | 2.625         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thống Nhất         | 2.405         | 1                      | 7                                 |         |
| <b>2</b> | <b>Xã Tân Thành</b> |                       | <b>33.404</b> | <b>11</b>              | <b>77</b>                         |         |
|          |                     | Ấp Anh Dũng           | 2.919         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thi Sơn            | 2.126         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Chiến Thắng        | 3.098         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Cả Cái             | 2.393         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Tham Bua           | 2.025         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Cây Me             | 1.852         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Chòi Mòi           | 3.366         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Long Sơn           | 4.108         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Cà Vàng            | 3.306         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Phước Tiên         | 4.263         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp Thị                | 3.948         | 1                      | 7                                 |         |
| <b>3</b> | <b>Xã Tân Hộ Cơ</b> |                       | <b>24.807</b> | <b>7</b>               | <b>49</b>                         |         |
|          |                     | Ấp 1                  | 3.268         | 1                      | 7                                 |         |
|          |                     | Ấp 2                  | 5.143         | 1                      | 7                                 |         |

| Stt      | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|----------|------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|          |                        | Ấp 3                  | 1.262         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Chiến Thắng        | 5.585         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Dinh Bà            | 3.550         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Gò Bói             | 4.209         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Đuôi Tôm           | 1.790         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>4</b> | <b>Xã An Phước</b>     |                       | <b>23.133</b> | <b>7</b>                     | <b>41</b>                                     |         |
|          |                        | Ấp Tuyết Hồng         | 4.035         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Hoàng Việt         | 3.940         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Tân Bảnh           | 7.035         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp An Tài             | 1.654         | 1                            | 5                                             |         |
|          |                        | Ấp An Lộc             | 2.099         | 1                            | 5                                             |         |
|          |                        | Ấp An Phát            | 1.625         | 1                            | 5                                             |         |
|          |                        | Ấp An Thọ             | 2.745         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>5</b> | <b>Xã Thường Phước</b> |                       | <b>59.822</b> | <b>12</b>                    | <b>84</b>                                     |         |
|          |                        | Ấp 1                  | 8.518         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp 2                  | 9.705         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp 3                  | 3.857         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Giồng Bàng         | 716           | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Chòm Xoài          | 3.991         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Mương Kinh         | 4.173         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Phước Tiền         | 3.602         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Mương Miếu         | 3.253         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Thường Thới        | 11.620        | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Thượng             | 3.712         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Trung Tâm          | 3.644         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Trung              | 3.031         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>6</b> | <b>Xã Long Khánh</b>   |                       | <b>35.792</b> | <b>9</b>                     | <b>59</b>                                     |         |
|          |                        | Ấp Long Tả            | 3.579         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Long Hữu           | 3.760         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Long Thạnh A       | 3.094         | 1                            | 5                                             |         |
|          |                        | Ấp Long Thạnh B       | 3.783         | 1                            | 7                                             |         |
|          |                        | Ấp Long Hậu           | 2.907         | 1                            | 5                                             |         |

| Stt      | Tên xã, phường           | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|----------|--------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|          |                          | Ấp Long Phước         | 4.286         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Bình          | 5.246         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Thái          | 5.411         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Châu          | 3.726         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>7</b> | <b>Xã Long Phú Thuận</b> |                       | <b>49.634</b> | <b>11</b>                    | <b>67</b>                                        |         |
|          |                          | Ấp Long Thới A        | 3.117         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Thới B        | 2.038         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Thạnh         | 3.035         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Hòa           | 3.297         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Long Hưng          | 3.938         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Lợi A          | 8.385         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Lợi B          | 8.742         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Hòa A          | 5.211         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Hòa B          | 4.318         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Thạnh A        | 4.620         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Thạnh B        | 2.933         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>8</b> | <b>Xã An Hòa</b>         |                       | <b>18.664</b> | <b>8</b>                     | <b>42</b>                                        |         |
|          |                          | Ấp 1                  | 4.924         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp 2                  | 2.552         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp 3                  | 3.282         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp 4                  | 1.784         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Long           | 1.834         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Lâm            | 2.083         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Hòa            | 827           | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Bình           | 1.378         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>9</b> | <b>Xã Tam Nông</b>       |                       | <b>21.114</b> | <b>8</b>                     | <b>44</b>                                        |         |
|          |                          | Ấp K8                 | 3.024         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp K9                 | 5.063         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp K10                | 4.799         | 1                            | 7                                                |         |
|          |                          | Ấp K11                | 1.396         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp K12                | 2.384         | 1                            | 5                                                |         |
|          |                          | Ấp Phú Xuân           | 2.092         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Phú Nông           | 1.056         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Hiệp Bình          | 1.300         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>10</b> | <b>Xã Phú Thọ</b>   |                       | <b>29.791</b> | <b>12</b>                    | <b>66</b>                                     |         |
|           |                     | Ấp Tân Dinh           | 1.389         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Phú Điền           | 1.780         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Phú Thọ A          | 3.236         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Phú Thọ B          | 3.553         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Phú Thọ C          | 1.663         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Thống Nhất         | 1.621         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Long Phú           | 2.596         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Long Phú A         | 4.023         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Long Thành         | 3.132         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Long An A          | 4.633         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Long An B          | 1.092         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp An Phú             | 1.073         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>11</b> | <b>Xã Tràm Chim</b> |                       | <b>22.313</b> | <b>9</b>                     | <b>49</b>                                     |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 2.484         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 3.754         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 1.975         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 1.824         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 3.578         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Hưng           | 3.236         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Lợi            | 1.408         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Bưng Sấm           | 1.251         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp Cà Dâm             | 2.803         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>12</b> | <b>Xã Phú Cường</b> |                       | <b>21.146</b> | <b>11</b>                    | <b>59</b>                                     |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 931           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 819           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 980           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 2.668         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 889           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                     | Ấp A                  | 5.168         | 1                            | 7                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp B                  | 2.701         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp C                  | 1.995         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hồng Kỳ            | 955           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Cường          | 2.684         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Gò Cát             | 1.356         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>13</b> | <b>Xã An Long</b>    |                       | <b>49.990</b> | <b>16</b>                 | <b>90</b>                               |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 3.387         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 2.230         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 1.820         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Lợi            | 2.246         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Thọ            | 3.985         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp An Phú             | 4.236         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Yên            | 2.664         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp An Thịnh           | 2.685         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp An Bình            | 2.669         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú An             | 1.966         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Ninh Thuận         | 618           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Nhứt               | 6.201         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Nhì                | 2.586         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Ba                 | 6.067         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tư                 | 1.314         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thị                | 5.316         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>14</b> | <b>Xã Thanh Bình</b> |                       | <b>47.410</b> | <b>14</b>                 | <b>84</b>                               |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 4.551         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 1.613         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 3.798         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 1.279         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 5                  | 755           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Đông A         | 5.092         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Đông B         | 5.817         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Thuận          | 5.395         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Mỹ             | 1.334         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp Nam                | 6.106         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Thuận A        | 2.031         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Thuận B        | 3.185         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Hòa A          | 2.271         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Hòa B          | 4.183         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>15</b> | <b>Xã Tân Thạnh</b>  |                       | <b>26.169</b> | <b>7</b>                     | <b>41</b>                                     |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 1.562         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 2.617         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 2.142         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 2.355         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Trung              | 8.038         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tây                | 4.841         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Bắc                | 4.614         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>16</b> | <b>Xã Bình Thành</b> |                       | <b>32.080</b> | <b>9</b>                     | <b>55</b>                                     |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 1.442         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 1.368         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 3.643         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 1.199         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Bình Hòa           | 5.021         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Bình Chánh         | 4.648         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Bình Trung         | 7.614         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Bình Thuận         | 2.695         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Bình Định          | 4.450         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>17</b> | <b>Xã Tân Long</b>   |                       | <b>83.720</b> | <b>21</b>                    | <b>135</b>                                    |         |
|           |                      | Ấp Tân Bình           | 3.764         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Hội A          | 4.100         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Hội B          | 2.414         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Phú A          | 4.560         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Phú B          | 2.568         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                      | Ấp Phú Trung          | 5.477         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân An             | 3.525         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                      | Ấp Tân Phong          | 4.120         | 1                            | 7                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Tân Bình Hạ        | 5.021         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Huề            | 5.320         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Thạnh An           | 3.520         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú            | 3.110         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thạnh          | 5.022         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Thượng             | 3.500         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Hạ                 | 5.112         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Trung              | 5.010         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Quới           | 4.878         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thới           | 2.650         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Dinh           | 3.125         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Hòa            | 2.985         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Bình Thượng    | 3.939         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>18</b> | <b>Xã Tháp Mười</b> |                       | <b>43.748</b> | <b>14</b>                    | <b>80</b>                                        |         |
|           |                     | Ấp Mỹ An 1            | 7.340         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ An 2            | 4.703         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ An 3            | 4.117         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ An 4            | 6.684         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa 1           | 3.266         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa 2           | 2.138         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa 3           | 3.349         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa 4           | 2.067         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa 5           | 1.373         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thị A           | 2.322         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thị B           | 2.049         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Phú A           | 1.652         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Phú B           | 1.537         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Phú C           | 1.151         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>19</b> | <b>Xã Thanh Mỹ</b>  |                       | <b>32.842</b> | <b>8</b>                     | <b>52</b>                                        |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Tân             | 4.348         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Điền           | 2.519         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Phú             | 4.334         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                         | Ấp Mỹ Điền            | 4.725         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Lợi Hòa            | 2.678         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Lợi An             | 3.897         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Thạnh           | 3.697         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Hưng Lợi           | 6.644         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>20</b> | <b>Xã Mỹ Quý</b>        |                       | <b>35.873</b> | <b>16</b>                 | <b>86</b>                               |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Đông 1          | 1.263         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Đông 2          | 1.664         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Đông 3          | 2.021         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Đông 4          | 3.840         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Đông 5          | 1.655         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Láng Biền 1        | 932           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Láng Biền 2        | 1.024         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Láng Biền 3        | 1.567         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Láng Biền 4        | 2.089         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Phước 1         | 2.653         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Phước 2         | 2.520         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Nam 1           | 1.697         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Nam 2           | 1.796         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Tây 1           | 3.348         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Tây 2           | 3.875         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Mỹ Tây 3           | 3.929         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>21</b> | <b>Xã Đốc Binh Kiều</b> |                       | <b>28.653</b> | <b>9</b>                  | <b>53</b>                               |         |
|           |                         | Ấp 1                  | 1.998         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp 2                  | 2.077         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp 3                  | 3.378         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp 4                  | 3.940         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp 5                  | 4.290         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp 6                  | 2.266         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp 7                  | 2.358         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                         | Ấp Gò Tháp            | 3.723         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Ấp Tân Kiều           | 4.623         | 1                         | 7                                       |         |



| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
| <b>22</b> | <b>Xã Trường Xuân</b>  |                       | <b>17.959</b> | <b>10</b>                 | <b>52</b>                               |         |
|           |                        | Ấp 1                  | 1.938         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 2                  | 1.148         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 4                  | 1.123         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Ấp 5                  | 1.351         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 4 A                | 1.148         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 5A                 | 1.389         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 5B                 | 1.852         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 6A                 | 1.464         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 6B                 | 3.405         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 6 Kinh Hội         | 3.141         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>23</b> | <b>Xã Phương Thịnh</b> |                       | <b>21.542</b> | <b>12</b>                 | <b>60</b>                               |         |
|           |                        | Ấp 1                  | 1.065         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 2                  | 1.706         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 3                  | 1.109         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 4                  | 1.613         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 5                  | 3.094         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 6                  | 1.015         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 7                  | 1.256         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 1A                 | 3.178         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 2A                 | 2.462         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 2B                 | 890           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 3A                 | 2.933         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 4A                 | 1.221         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>24</b> | <b>Xã Phong Mỹ</b>     |                       | <b>30.945</b> | <b>11</b>                 | <b>61</b>                               |         |
|           |                        | Ấp 1                  | 5.992         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Ấp 2                  | 2.989         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 3                  | 5.054         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Ấp 4                  | 3.067         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 5                  | 2.717         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                        | Ấp 6                  | 3.914         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Ấp 7                  | 1.211         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường   | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                  | Ấp 8                  | 986           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 9                  | 1.199         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 10                 | 2.848         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 11                 | 977           | 1                            | 5                                             |         |
| <b>25</b> | <b>Xã Ba Sao</b> |                       | <b>28.272</b> | <b>13</b>                    | <b>69</b>                                     |         |
|           |                  | Ấp 1                  | 1.651         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 2                  | 1.586         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 3                  | 3.627         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                  | Ấp 4                  | 5.201         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                  | Ấp 5                  | 1.833         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 6                  | 1.937         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 7                  | 1.729         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 1P                 | 1.805         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 2P                 | 1.459         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 3P                 | 2.534         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 4P                 | 2.200         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 5P                 | 1.793         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp 6P                 | 917           | 1                            | 5                                             |         |
| <b>26</b> | <b>Xã Mỹ Thọ</b> |                       | <b>47.688</b> | <b>17</b>                    | <b>95</b>                                     |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Thuận           | 3.951         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Tây             | 5.812         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Thới            | 1.596         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Phú Cù Lao      | 2.415         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Phú Đất Liền    | 2.808         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Đông Nhất       | 2.344         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Đông Nhì        | 3.209         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Đông Ba         | 3.546         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Đông Bốn        | 2.164         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Đông Mỹ            | 1.907         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Tây Mỹ             | 1.746         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp AB                 | 1.543         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                  | Ấp Bình Hòa           | 2.462         | 1                            | 5                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường            | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                           | Ấp Tân Trường         | 1.942         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Xương           | 3.117         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Thạnh           | 3.519         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Hưng Hòa        | 3.607         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>27</b> | <b>Xã Bình Hàng Trung</b> |                       | <b>38.944</b> | <b>15</b>                    | <b>83</b>                                     |         |
|           |                           | Ấp 1                  | 3.569         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 2                  | 3.235         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 3                  | 4.244         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 4                  | 4.057         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 1B                 | 707           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 2B                 | 3.693         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 3B                 | 3.367         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 4B                 | 2.152         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 5B                 | 2.230         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 1T                 | 3.477         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 2T                 | 2.236         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 3T                 | 2.099         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 4T                 | 1.915         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 5T                 | 613           | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 6T                 | 1.350         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>28</b> | <b>Xã Mỹ Hiệp</b>         |                       | <b>54.433</b> | <b>15</b>                    | <b>89</b>                                     |         |
|           |                           | Ấp 1                  | 5.316         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 2                  | 4.075         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp 3                  | 2.078         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp 4                  | 3.494         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Long 1          | 3.248         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Long 2          | 3.902         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Long 3          | 3.028         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Mỹ Long 4          | 4.580         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp Bình Mỹ A          | 3.785         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                           | Ấp Bình Mỹ B          | 3.348         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                           | Ấp Bình Hưng          | 2.599         | 1                            | 5                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường            | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                           | Ấp Bình Hòa           | 5.039         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp Bình Tân           | 3.337         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Bình Linh          | 4.010         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp Bình Phú Lợi       | 2.594         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>29</b> | <b>Xã Mỹ An Hưng</b>      |                       | <b>55.467</b> | <b>18</b>                 | <b>102</b>                              |         |
|           |                           | Ấp An Thuận           | 5.393         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp An Thuận A         | 908           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Hòa             | 4.021         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp An Thạnh           | 2.637         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Thạnh Đông      | 2.612         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Phú             | 2.356         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Phú Đông        | 3.535         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp An Quới            | 2.857         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Quới Đông       | 3.710         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp An Ninh            | 3.896         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                           | Ấp An Bình Đông       | 2.898         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Thái            | 3.462         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp An Bình            | 2.635         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Tân Hòa Đông       | 2.833         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Tân Hòa Thượng     | 2.671         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Tân Thuận A        | 2.253         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Tân Thuận B        | 2.511         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Tân Trong          | 4.279         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>30</b> | <b>Xã Tân Khánh Trung</b> |                       | <b>46.979</b> | <b>17</b>                 | <b>91</b>                               |         |
|           |                           | Ấp Hưng Quới 1        | 2.584         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Hưng Quới 2        | 1.888         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Hưng Mỹ Tây        | 2.587         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Hưng Mỹ Đông       | 2.903         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Hưng Thành Tây A   | 2.399         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Khánh Nhơn         | 2.322         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                           | Ấp Khánh Mỹ A         | 4.153         | 1                         | 7                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường   | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                  | Ấp Khánh Mỹ B         | 1.733         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Hoà           | 4.289         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Tân Bình           | 4.035         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Khánh An           | 3.199         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Nhơn          | 2.092         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Thạnh<br>Đông | 2.806         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Lợi Đông      | 2.635         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Lợi Tây       | 2.474         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Thành<br>Đông | 2.828         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hưng Thành Tây B   | 2.052         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>31</b> | <b>Xã Lấp Vò</b> |                       | <b>72.585</b> | <b>23</b>                    | <b>133</b>                                       |         |
|           |                  | Ấp Bình Thạnh         | 3.429         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Thạnh 1       | 3.628         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Thạnh 2       | 3.175         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Phú Quới 1    | 2.250         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Phú Quới 2    | 2.677         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Hòa 1         | 3.282         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Hòa 2         | 2.721         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Hòa 3         | 2.322         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Vĩnh Phú           | 1.630         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình An            | 5.056         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Lợi           | 5.340         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp An Thạnh           | 2.296         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Hiệp A        | 4.855         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Hiệp B        | 3.333         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình Trung         | 2.571         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Tân Thạnh          | 1.648         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Tân An             | 2.881         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Vĩnh Bình A        | 3.834         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Vĩnh Bình B        | 1.887         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Vĩnh Hưng          | 2.681         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường     | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                    | Ấp Vĩnh Lợi           | 3.027         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Nhơn Quới          | 3.707         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Hòa Thuận          | 4.355         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>32</b> | <b>Xã Lai Vung</b> |                       | <b>81.215</b> | <b>20</b>                    | <b>126</b>                                    |         |
|           |                    | Ấp An Hòa             | 6.183         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Lạc             | 5.015         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Ninh            | 5.790         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Phong           | 4.667         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Lợi A           | 5.315         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Lợi B           | 7.438         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Bình            | 5.876         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp An Khương          | 6.286         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Định           | 3.343         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Bình           | 3.667         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân An             | 2.248         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Khánh          | 4.148         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Lợi            | 1.789         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Lộc            | 2.876         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Hưng           | 2.662         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Phú            | 3.541         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Quý            | 2.619         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Thuận          | 2.529         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Thạnh          | 2.617         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Mỹ             | 2.606         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>33</b> | <b>Xã Hòa Long</b> |                       | <b>66.663</b> | <b>24</b>                    | <b>132</b>                                    |         |
|           |                    | Ấp 1                  | 2.743         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp 2                  | 3.747         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp 3                  | 1.638         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp 4                  | 2.740         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp 5                  | 1.071         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Long Thành         | 2.979         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Long Thành A       | 3.946         | 1                            | 7                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Long Thành B       | 1.902         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Khánh         | 2.196         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Khánh A       | 2.792         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Khánh B       | 1.902         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Thuận         | 3.188         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Hòa           | 2.642         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Hưng 1        | 2.423         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Hưng 2        | 3.738         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Ninh           | 1.802         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Bình           | 3.378         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Định          | 4.290         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Long An            | 3.673         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Thành Tấn          | 2.113         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Bửu           | 3.718         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Phú           | 2.582         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Bình          | 2.730         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Hội           | 2.730         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>34</b> | <b>Xã Phong Hòa</b> |                       | <b>71.637</b> | <b>25</b>                    | <b>141</b>                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Mỹ             | 1.990         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Định 1         | 4.378         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Định 2         | 3.367         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Tân            | 3.419         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận 1        | 2.774         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận 2        | 1.349         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Bình           | 5.480         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Định Thành         | 5.291         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Định Phú           | 2.961         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Định Mỹ            | 2.061         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Định Tân           | 903           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Định Phong         | 868           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Khánh          | 3.826         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Thới Hòa           | 3.672         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Thới Mỹ 1          | 3.700         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Thới Mỹ 2          | 3.812         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Lợi            | 3.895         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Bình           | 1.841         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân An             | 3.193         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Phong          | 2.865         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú            | 2.142         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Quới           | 2.392         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thới           | 1.534         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thạnh          | 2.239         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Hưng           | 1.685         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>35</b> | <b>Xã Tân Dương</b> |                       | <b>45.846</b> | <b>15</b>                    | <b>85</b>                                        |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận A        | 2.011         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận B        | 2.427         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Lộc A          | 2.768         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Lộc B          | 2.885         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hậu Thành          | 2.976         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Bình           | 1.592         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Hòa            | 2.250         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Long           | 2.075         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thành          | 2.810         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thạnh          | 1.978         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú An             | 2.504         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Hòa            | 4.262         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Long           | 4.972         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Thành          | 5.124         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Thuận          | 5.212         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>36</b> | <b>Xã Phú Hựu</b>   |                       | <b>66.921</b> | <b>31</b>                    | <b>161</b>                                       |         |
|           |                     | Ấp An Phú             | 2.567         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú            | 1.910         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Mỹ             | 3.812         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Mỹ Lương       | 1.467         | 1                            | 5                                                |         |



| Stt       | Tên xã, phường           | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                          | Ấp Phú Mỹ Thành       | 1.757         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Mỹ Hiệp        | 1.894         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Hoà Thạnh          | 1.805         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Hoà Thuận          | 2.819         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú An             | 2.086         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Thuận          | 1.471         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Cường          | 1.855         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Long           | 2.178         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân An             | 1.619         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp An Thuận           | 1.600         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Thạnh 1        | 2.134         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Thạnh 2        | 4.230         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                          | Ấp An Hòa 1           | 1.983         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp An Hòa 2           | 2.793         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Hòa 1          | 1.276         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Hòa 2          | 1.800         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Thạnh 1        | 2.943         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Thạnh 2        | 1.437         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp An Thạnh 1         | 1.910         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp An Thạnh 2         | 2.968         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp An Thạnh 3         | 2.300         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Hưng 1         | 2.013         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Hưng 2         | 1.820         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Bình 1         | 1.709         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Bình 2         | 2.996         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Hòa 1          | 2.317         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Phú Hoà 2          | 1.452         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>37</b> | <b>Xã Tân Nhuận Đông</b> |                       | <b>59.294</b> | <b>22</b>                    | <b>112</b>                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Lập            | 3.891         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Bình           | 2.395         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân Hựu            | 2.943         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                          | Ấp Tân An             | 2.754         | 1                            | 5                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                         | Ấp Tân Nghĩa          | 1.895         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Thanh          | 2.985         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Hòa            | 2.978         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Thuận          | 2.051         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Nhuận          | 2.860         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Hưng            | 2.656         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Lợi             | 2.232         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Hòa             | 2.505         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Bình            | 2.259         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Phú             | 2.662         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Thái            | 2.747         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Ninh            | 3.175         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa An             | 3.174         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Bình           | 3.275         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Hiệp           | 2.474         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Hưng           | 1.899         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Quới           | 3.078         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Trung          | 2.406         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>38</b> | <b>Xã Tân Phú Trung</b> |                       | <b>65.635</b> | <b>24</b>                    | <b>132</b>                                       |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Phú          | 3.836         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                         | Ấp An Hoà Nhì         | 2.488         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Hoà Nhất        | 2.951         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú An             | 3.154         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Đông               | 2.705         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân An 1           | 3.458         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân An 2           | 1.110         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tây                | 2.988         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Mỹ             | 4.566         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Phú            | 4.469         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Thuận 1        | 3.638         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Thuận 2        | 1.266         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Hoà 1          | 2.430         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp Tân Hoà 2          | 2.231         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Quới           | 3.754         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Lợi            | 1.971         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Lập            | 1.537         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Bình           | 1.306         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Thanh          | 2.026         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Phú Hội Xuân       | 2.459         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Phú Bình           | 3.650         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Phú Mỹ             | 2.458         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Phú Hoà            | 2.391         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Phú Thạnh          | 2.793         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>39</b> | <b>Xã Tân Phú</b>    |                       | <b>30.475</b> | <b>14</b>                    | <b>70</b>                                        |         |
|           |                      | Ấp Tân An             | 1.399         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Thới           | 1.439         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Bắc                | 1.458         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Thạnh          | 2.107         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Phong          | 3.142         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Quí Thạnh          | 3.299         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hội             | 2.809         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Phú             | 2.755         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Lương           | 2.035         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Bình            | 2.729         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Hòa            | 1.324         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Hòa 1          | 2.219         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Hiệp           | 1.637         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Tân Hiệp 1         | 2.123         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>40</b> | <b>Xã Thanh Hưng</b> |                       | <b>46.181</b> | <b>12</b>                    | <b>76</b>                                        |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 3.458         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 5.338         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 3.570         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 5.412         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp 5                  | 3.379         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường   | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                  | Ấp 6                  | 3.633         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 7                  | 1.183         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp 8                  | 4.477         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 9                  | 4.150         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 10                 | 4.242         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 11                 | 3.906         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 12                 | 3.433         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>41</b> | <b>Xã An Hữu</b> |                       | <b>50.970</b> | <b>15</b>                    | <b>89</b>                                        |         |
|           |                  | Ấp 1                  | 5.971         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 2                  | 4.237         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 3                  | 4.273         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 4                  | 3.824         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp 5                  | 2.208         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Lương Ngãi         | 2.163         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Lương Nhơn         | 1.601         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Lương Trí          | 5.062         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Lương Tín          | 2.531         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Lương Lễ           | 2.607         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Bình               | 6.640         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Hòa                | 2.200         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Thống              | 2.773         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Nhất               | 1.200         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Khu Phố            | 3.680         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>42</b> | <b>Xã Mỹ Lợi</b> |                       | <b>33.004</b> | <b>12</b>                    | <b>64</b>                                        |         |
|           |                  | Ấp Lợi Tường          | 3.443         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Lợi Trinh          | 3.315         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ An              | 2.735         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Lợi Nhơn        | 3.532         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Lợi Nhơn B      | 2.929         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Thái Hòa           | 5.336         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Chợ                | 2.101         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp An Lạc             | 2.427         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp Đông Thạnh         | 1.247         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thạnh           | 1.817         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Hưng Lợi           | 1.918         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Lợi Thuận          | 2.204         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>43</b> | <b>Xã Mỹ Đức Tây</b> |                       | <b>41.073</b> | <b>14</b>                    | <b>76</b>                                        |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Nghĩa 1         | 4.665         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Nghĩa 2         | 3.508         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ An              | 2.865         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Tường           | 2.350         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thạnh           | 1.947         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Phú             | 2.456         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Quới            | 3.993         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hưng            | 2.420         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hưng A          | 2.763         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hưng C          | 2.807         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Phú A           | 2.547         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Quới A          | 3.099         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Phúc            | 3.329         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Long            | 2.324         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>44</b> | <b>Xã Mỹ Thiện</b>   |                       | <b>28.066</b> | <b>11</b>                    | <b>59</b>                                        |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 1.636         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 1.919         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 1.853         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 1.228         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Tường           | 3.272         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Lược            | 3.928         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Trinh           | 3.821         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thị A           | 3.485         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thị B           | 1.947         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hòa             | 3.323         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hiệp            | 1.654         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>45</b> | <b>Xã Hậu Mỹ</b>     |                       | <b>41.201</b> | <b>12</b>                    | <b>70</b>                                        |         |

| Stt       | Tên xã, phường   | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                  | Ấp Hậu Phú 1          | 5.329         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Phú 2          | 4.617         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Phú 3          | 2.549         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Chánh 4         | 2.228         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Chánh 5         | 1.059         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Quới           | 5.384         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Trung           | 4.956         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Thuận           | 3.079         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Trinh A         | 3.596         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Trinh B         | 1.872         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Tường A         | 3.385         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Tường B         | 3.147         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>46</b> | <b>Xã Hội Cư</b> |                       | <b>50.816</b> | <b>17</b>                    | <b>95</b>                                        |         |
|           |                  | Ấp An Bình            | 4.351         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp An Thiện           | 3.191         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp An Thái            | 5.083         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Hòa             | 2.345         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp An Hòa             | 1.878         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Trung           | 3.891         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Thuận           | 1.734         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Chánh A         | 2.223         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Chánh B         | 1.362         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Thuận          | 4.361         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Hoa            | 3.197         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Vinh           | 4.598         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                  | Ấp Hậu Hòa            | 2.282         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Cầu Xéo            | 1.435         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Quới            | 2.853         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Phú A           | 3.384         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                  | Ấp Mỹ Phú B           | 2.648         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>47</b> | <b>Xã Cái Bè</b> |                       | <b>57.654</b> | <b>18</b>                    | <b>106</b>                                       |         |
|           |                  | Ấp 1                  | 3.831         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường     | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                    | Ấp 2                  | 5.763         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp 3                  | 3.931         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp 4                  | 4.593         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp An Bình Đông       | 2.144         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp An Hiệp            | 2.816         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp An Hòa             | 2.086         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp An Lợi             | 1.897         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp An Ninh            | 3.786         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp An Thạnh           | 3.315         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp Phú Hòa            | 869           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Điền           | 2.769         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Hảo            | 2.871         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Lược           | 1.888         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Phú            | 4.086         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Phúc           | 5.753         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                    | Ấp Hòa Quí            | 3.169         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Khu phố Hòa Khánh  | 2.087         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>48</b> | <b>Xã Mỹ Thành</b> |                       | <b>35.199</b> | <b>19</b>                 | <b>95</b>                               |         |
|           |                    | Ấp 1                  | 1.703         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 2                  | 1.300         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 3                  | 1.841         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 4                  | 1.790         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 5                  | 2.569         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 6                  | 2.349         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 7                  | 2.565         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 8                  | 1.544         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 9A                 | 2.100         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 9B                 | 1.397         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 10                 | 1.998         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 11                 | 1.449         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp 12                 | 2.013         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                    | Ấp Phú Tiểu           | 2.099         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Phú Hòa            | 2.526         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Bình           | 1.353         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Lợi            | 1.695         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Phú Thuận          | 1.289         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Chà Là             | 1.619         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>49</b> | <b>Xã Thạnh Phú</b> |                       | <b>23.769</b> | <b>13</b>                    | <b>65</b>                                        |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 876           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 2.199         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 1.908         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 2.446         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 1.876         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 6                  | 1.638         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 7                  | 1.178         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 8                  | 1.634         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 9                  | 2.008         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 10                 | 2.313         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 11                 | 1.494         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 12                 | 2.815         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 13                 | 1.384         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>50</b> | <b>Xã Bình Phú</b>  |                       | <b>49.155</b> | <b>21</b>                    | <b>111</b>                                       |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 2.213         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 2.457         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 3.459         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 2.888         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 4.152         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp 6                  | 3.831         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp 7                  | 3.012         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 8                  | 2.037         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 9                  | 2.352         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 10                 | 2.507         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Tịnh          | 4.382         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Quới          | 1.824         | 1                            | 5                                                |         |



| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Bình Long          | 2.514         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Phong         | 1.176         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Trị           | 2.170         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Đức           | 1.311         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Thới          | 1.609         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Sơn           | 1.142         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Ninh          | 914           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Hưng          | 1.255         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Thạnh         | 1.950         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>51</b> | <b>Xã Long Tiên</b> |                       | <b>43.536</b> | <b>29</b>                    | <b>145</b>                                       |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 1.155         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 795           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 1.281         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 6                  | 1.290         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 7                  | 1.678         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 8                  | 1.497         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 9                  | 1.265         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 11                 | 1.397         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 12                 | 1.687         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 14                 | 1.691         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 15                 | 920           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 16                 | 1.496         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp 17                 | 1.978         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thạnh           | 1.377         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thạnh A         | 2.249         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thạnh B         | 1.565         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hòa             | 1.810         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hội             | 712           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hưng A          | 1.053         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Hưng B          | 1.374         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Lợi             | 1.626         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Lợi A           | 1.606         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường     | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|--------------------------------------|---------|
|           |                    | Ấp Mỹ Lợi B           | 1.450         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Phú             | 1.973         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Điền            | 1.712         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Chánh A         | 1.496         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Chánh B         | 1.793         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Lương           | 2.254         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Mỹ Thuận           | 1.356         | 1                         | 5                                    |         |
| <b>52</b> | <b>Xã Ngũ Hiệp</b> |                       | <b>40.422</b> | <b>18</b>                 | <b>90</b>                            |         |
|           |                    | Ấp Hòa Hảo            | 1.133         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Hòa Thịnh          | 2.243         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Long Quới          | 3.012         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Đông           | 2.055         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Thủy Tây           | 2.852         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Sơn            | 2.951         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Hòa An             | 2.371         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tây Hòa            | 2.241         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Đông Hòa           | 2.310         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Ninh          | 2.045         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Hòa A         | 1.891         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Hòa B         | 2.184         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Chánh Đông    | 2.113         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Thuận         | 2.596         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Chánh Tây     | 2.060         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Thanh         | 2.164         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Thạnh         | 2.012         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Bình Đức           | 2.189         | 1                         | 5                                    |         |
| <b>53</b> | <b>Xã Hiệp Đức</b> |                       | <b>35.085</b> | <b>22</b>                 | <b>110</b>                           |         |
|           |                    | Ấp Tân Thiện          | 2.979         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Thái           | 3.188         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Bường A        | 2.153         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Bường B        | 1.491         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Luông A        | 1.896         | 1                         | 5                                    |         |

| Stt       | Tên xã, phường        | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                       | Ấp Tân Luông B        | 1.099         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Tân An             | 2.619         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Phú           | 1.499         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Thạnh         | 1.238         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Ngãi          | 1.116         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Nhơn          | 1.481         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Ninh          | 1.118         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hiệp Quới          | 1.754         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hòa Điền           | 1.661         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Xuân Sắc           | 1.422         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Xuân Quang         | 1.344         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Xuân Kiển          | 1.437         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hội Nhơn           | 1.036         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hội Nghĩa          | 1.044         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hội Lễ             | 960           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hội Trí            | 1.036         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Hội Tín            | 1.514         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>54</b> | <b>Xã Tân Phước 1</b> |                       | <b>12.713</b> | <b>13</b>                    | <b>65</b>                                        |         |
|           |                       | Ấp 1                  | 1.861         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp 2                  | 1.233         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp 3                  | 1.501         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp 4                  | 1.423         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp 5                  | 1.459         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Lộc             | 1.395         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Thuận           | 712           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Thiện           | 627           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Hòa             | 242           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Tân Long           | 363           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Tân Thuận          | 1.075         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Tân Thành          | 421           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                       | Ấp Tân Phát           | 401           | 1                            | 5                                                |         |
| <b>55</b> | <b>Xã Tân Phước 2</b> |                       | <b>8.487</b>  | <b>12</b>                    | <b>60</b>                                        |         |

| Stt       | Tên xã, phường        | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                       | Ấp 1                  | 529           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 2                  | 207           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 3                  | 658           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 4                  | 1.297         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 5                  | 278           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Hưng Phước     | 953           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Hưng Tây       | 1.868         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Hưng Đông      | 579           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Hưng Phú       | 821           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Hòa Đông           | 559           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Hòa Thuận          | 367           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Hòa Xuân           | 371           | 1                         | 5                                       |         |
| <b>56</b> | <b>Xã Tân Phước 3</b> |                       | <b>17.832</b> | <b>16</b>                 | <b>86</b>                               |         |
|           |                       | Ấp 1                  | 2.485         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                       | Ấp 2                  | 876           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 3                  | 710           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp 4                  | 3.018         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                       | Ấp 5                  | 1.070         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Lợi             | 2.911         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Bình            | 850           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Thành           | 647           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Hòa             | 614           | 1                         | 7                                       |         |
|           |                       | Ấp Mỹ Phú             | 792           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Kinh 2A            | 1.332         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Kinh 2B            | 1.149         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Vinh           | 380           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Phong          | 176           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Bình           | 484           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                       | Ấp Tân Hòa            | 338           | 1                         | 5                                       |         |
| <b>57</b> | <b>Xã Hưng Thạnh</b>  |                       | <b>30.240</b> | <b>15</b>                 | <b>77</b>                               |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Một                | 1.366         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hai                | 1.142         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Ba                 | 830           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tư                 | 2.392         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hưng Phú           | 1.165         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hưng Quới          | 1.898         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hưng Điền          | 4.406         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Xuân           | 2.230         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Hữu            | 1.280         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Thạnh          | 3.162         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Nhuận          | 3.029         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Vinh           | 1.078         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Quới           | 2.194         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú            | 2.889         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Lợi            | 1.179         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>58</b> | <b>Xã Tân Hương</b> |                       | <b>49.074</b> | <b>16</b>                 | <b>90</b>                               |         |
|           |                     | Ấp Tân Hòa            | 4.328         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú            | 5.470         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú 1          | 2.693         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Phú 2          | 2.827         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Thanh          | 6.831         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận          | 5.556         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Khu Phố            | 881           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Xuân           | 1.898         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Hội Đông       | 2.090         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Thới           | 1.753         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận A        | 1.619         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Quới           | 4.834         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Lược 1         | 2.766         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Lược 2         | 2.014         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Lý Đông        | 1.722         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Lập            | 1.792         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
| <b>59</b> | <b>Xã Châu Thành</b> |                       | <b>53.037</b> | <b>18</b>                 | <b>100</b>                              |         |
|           |                      | Ấp Cá                 | 2.039         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Ga                 | 1.043         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Me                 | 1.345         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Rẫy                | 1.785         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Phú            | 4.013         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Thạnh          | 5.314         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Phong          | 4.399         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Thân Bình          | 4.874         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Thân Hòa           | 3.327         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thân Đạo           | 3.282         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thân Đức           | 2.355         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Cửu Hòa            | 3.634         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Ngãi Thuận         | 2.697         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Ngãi Lợi           | 2.687         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Thạnh         | 2.758         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Tường         | 2.595         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Bình          | 2.094         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Thới          | 2.796         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>60</b> | <b>Xã Long Hưng</b>  |                       | <b>44.484</b> | <b>23</b>                 | <b>119</b>                              |         |
|           |                      | Ấp 1                  | 3.674         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp 2                  | 2.745         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 3                  | 1.898         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 4                  | 3.229         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 5                  | 3.270         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 6                  | 1.079         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp 7                  | 482           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Khu phố            | 994           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Chợ                | 817           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Xóm Vông           | 1.850         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thạnh Hưng         | 4.205         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Bờ Xe              | 1.637         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố       | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Cây Xanh                 | 1.509         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Miếu Hội                 | 1.404         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Thuận A             | 1.542         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Thuận B             | 1.011         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hòa                | 2.049         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Thạnh A             | 2.145         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Lợi                 | 1.435         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Nam                      | 1.437         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Thới                | 1.319         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Bình A              | 2.916         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Bình B              | 1.837         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>61</b> | <b>Xã Long Định</b> |                             | <b>47.447</b> | <b>25</b>                 | <b>131</b>                              |         |
|           |                     | Ấp Mới                      | 3.684         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Khu phố Lương Minh Chánh | 726           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Kinh 2A                  | 1.256         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tây 1                    | 2.593         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tây 2                    | 1.922         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Trung                    | 2.472         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Keo                      | 664           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Hòa B               | 1.562         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hòa                      | 3.399         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tây                      | 4.652         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Hưng                     | 5.086         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Đông                     | 1.268         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Đông A                   | 1.360         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Đông A1                  | 1.104         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Đông B                   | 890           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Đông B1                  | 1.710         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Nam                      | 1.245         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Trung 1                  | 1.164         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Trung A                  | 2.211         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Trung B                  | 687           | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp Tân Trang          | 2.016         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tây B              | 1.236         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thới               | 2.224         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Ngươn              | 1.096         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Dầu                | 1.220         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>62</b> | <b>Xã Bình Trưng</b> |                       | <b>34.797</b> | <b>21</b>                 | <b>105</b>                              |         |
|           |                      | Ấp Bình Hòa A         | 860           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Hòa B         | 1.719         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Thuận         | 1.121         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Thạnh         | 1.001         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Thới A        | 2.001         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Thới B        | 750           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Phú           | 1.736         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình Trung         | 1.981         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bình               | 1.191         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Trung Nam          | 1.733         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tây                | 920           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thuận              | 1.708         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hòa                | 1.896         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hữu Hòa            | 1.173         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hữu Bình           | 1.211         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hữu Thuận          | 1.053         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hữu Lợi            | 1.649         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Thới               | 2.841         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hưng               | 2.677         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bắc A              | 2.498         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Bắc B              | 3.078         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>63</b> | <b>Xã Vĩnh Kim</b>   |                       | <b>29.795</b> | <b>18</b>                 | <b>90</b>                               |         |
|           |                      | Ấp Phú Quới           | 1.576         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Thạnh          | 1.420         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Long           | 1.694         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Hòa            | 1.622         | 1                         | 5                                       |         |



| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                      | Ấp Phú Ninh           | 1.040         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Phú Thuận          | 1.160         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Thành A       | 1.834         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Thành B       | 173           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Hòa A         | 1.832         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Hòa B         | 1.775         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Thạnh         | 1.663         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Long Trị           | 1.686         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Hòa           | 2.042         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Bình          | 2.298         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Thạnh         | 2.800         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Quí           | 1.160         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Phú           | 2.014         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Vĩnh Thới          | 2.006         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>64</b> | <b>Xã Kim Sơn</b>    |                       | <b>26.204</b> | <b>12</b>                 | <b>62</b>                               |         |
|           |                      | Ấp Đông               | 4.853         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                      | Ấp Tây                | 2.237         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ                 | 2.713         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Hội                | 2.405         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Đông Hòa           | 2.440         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tây Hòa            | 1.684         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Hòa             | 932           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thạnh           | 1.146         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Phú             | 880           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Thuận A        | 1.357         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Tân Thuận B        | 2.705         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Lộ Ngang           | 2.852         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>65</b> | <b>Xã Mỹ Tịnh An</b> |                       | <b>36.944</b> | <b>20</b>                 | <b>100</b>                              |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Thọ             | 1.650         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Khương          | 1.200         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp Mỹ Trường          | 1.550         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                      | Ấp An Khương          | 1.850         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                         | Ấp Mỹ An A            | 1.950         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Mỹ An B            | 1.740         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Thị             | 1.950         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Phú            | 1.976         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Quới           | 1.547         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Ninh           | 1.446         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Hòa Bình           | 2.881         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Tân Mỹ             | 1.679         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Nhứt Tân           | 3.317         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Bình Cách          | 2.279         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Song Thạnh         | 1.890         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Trung Thạnh        | 1.550         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Trung Chánh        | 1.652         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Hòa            | 1.753         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Trung Hòa          | 1.733         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Trung Lợi          | 1.351         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>66</b> | <b>Xã Lương Hòa Lạc</b> |                       | <b>36.397</b> | <b>19</b>                    | <b>95</b>                                        |         |
|           |                         | Ấp Lương Phú A        | 3.287         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Lương Phú B        | 2.646         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Lương Phú C        | 2.998         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Lạc A           | 1.742         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp An Lạc B           | 1.436         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Khương A       | 1.353         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Khương B       | 743           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Khương C       | 1.268         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Lợi A          | 1.832         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Lợi B          | 952           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Lợi C          | 2.504         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Thạnh          | 2.642         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Phú Thạnh A        | 1.565         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Đăng Phong         | 2.454         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                         | Ấp Bình Long          | 2.275         | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường           | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|--------------------------------------|---------|
|           |                          | Ấp Bình Phú           | 1.408         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Trường Xuân A      | 1.966         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Trường Xuân B      | 1.533         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Thanh Đăng B       | 1.793         | 1                         | 5                                    |         |
| <b>67</b> | <b>Xã Tân Thuận Bình</b> |                       | <b>34.531</b> | <b>27</b>                 | <b>135</b>                           |         |
|           |                          | Ấp Long Thạnh         | 2.300         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Long Hòa           | 1.620         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Long Hiệp          | 1.178         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Quang Thọ          | 1.700         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Long An            | 930           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Quang Khương       | 1.242         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Quang Phú          | 1.429         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Quang Ninh         | 1.091         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Bình 2B        | 1.372         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Hòa            | 1.209         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Thành          | 1.572         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Đông           | 1.305         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Thắng          | 1.070         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Hưng           | 815           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Phú 1          | 879           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Phú 2          | 1.301         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Bình 1         | 1.521         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Tân Bình 2A        | 1.288         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Bình An            | 980           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Bình Thành         | 1.120         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Bình Ninh          | 978           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Bình Phú Quới      | 1.648         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Vĩnh Phước         | 1.215         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Hưng Ngãi          | 1.500         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Đăng Phong Dưới    | 950           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Đăng Phong Trên    | 1.418         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                          | Ấp Đăng Năm           | 900           | 1                         | 5                                    |         |

| Stt       | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|--------------------------------------|---------|
| <b>68</b> | <b>Xã Chợ Gạo</b>       |                       | <b>30.651</b> | <b>18</b>                 | <b>92</b>                            |         |
|           |                         | Ấp 1                  | 1.977         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp 2                  | 4.300         | 1                         | 7                                    |         |
|           |                         | Ấp 3                  | 2.975         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Tân Tinh           | 1.288         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Hiệp          | 850           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Thuận         | 1.042         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Long          | 2.054         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Hòa A         | 788           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Hòa B         | 1.122         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Điền Thạnh         | 2.235         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Điền Lợi           | 1.964         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Tân Bình           | 353           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Long Thạnh         | 1.250         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Lợi          | 1.581         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Hòa           | 1.560         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Điền Mỹ            | 1.258         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình An            | 2.054         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Hạnh          | 2.000         | 1                         | 5                                    |         |
| <b>69</b> | <b>Xã An Thạnh Thủy</b> |                       | <b>39.874</b> | <b>23</b>                 | <b>117</b>                           |         |
|           |                         | Ấp An Khương          | 2.418         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Kiệt         | 1.496         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp An Thọ             | 1.435         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp An Quới            | 1.219         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp An Phú             | 1.916         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh An           | 1.559         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Hòa          | 1.472         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Hiệp         | 1.220         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Thủy          | 1.182         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Thạnh Thới         | 1.620         | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Tân Thạnh          | 931           | 1                         | 5                                    |         |
|           |                         | Ấp Bình Thọ Trung     | 1.004         | 1                         | 5                                    |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Bình Thọ Đông      | 1.515         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Ninh 1        | 1.102         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Ninh 2        | 1.402         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Thọ<br>Thượng | 1.401         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Hưng          | 2.670         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Khương 1      | 4.913         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Khương 2      | 2.431         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Thọ 1         | 1.481         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Thọ 2         | 1.273         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Phú           | 2.209         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Quới          | 2.005         | 1                            | 5                                                |         |
| <b>70</b> | <b>Xã Bình Ninh</b> |                       | <b>34.917</b> | <b>24</b>                    | <b>120</b>                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Hòa            | 1.652         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thuận          | 2.115         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp An Lạc Thượng      | 939           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp An Lạc Trung       | 1.342         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Thạnh          | 1.699         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Tân Ninh           | 3.171         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp An Cư              | 1.945         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Nhơn Hòa           | 1.631         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Lạc Trung      | 2.367         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Thành          | 1.541         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Mỹ Thạnh           | 1.614         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Long Hòa           | 1.782         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Mỹ             | 1.861         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Lạc            | 1.151         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Quới           | 951           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Phú            | 1.112         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Lợi Tiểu       | 915           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Hòa Thạnh          | 913           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Phú           | 1.327         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                     | Ấp Bình Long          | 982           | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Bình Hưng Hạ       | 916           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Hưng Thượng   | 1.116         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Quới Hạ       | 1.009         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Quới Thượng   | 866           | 1                         | 5                                       |         |
| <b>71</b> | <b>Xã Vĩnh Bình</b> |                       | <b>43.344</b> | <b>19</b>                 | <b>97</b>                               |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 3.256         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 2.560         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 3.356         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 2.235         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 2.864         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp 6                  | 1.860         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Trung         | 3.294         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Lạc Đông     | 2.861         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Tân Thạnh          | 2.361         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Tây           | 5.067         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Đông          | 2.016         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Bình         | 1.823         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh An           | 1.483         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hòa Đông     | 1.399         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hòa Tây      | 1.155         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hiệp         | 844           | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Phú          | 1.213         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hưng         | 1.445         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Yên          | 2.252         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>72</b> | <b>Xã Đồng Sơn</b>  |                       | <b>38.452</b> | <b>13</b>                 | <b>71</b>                               |         |
|           |                     | Ấp Hòa Bình           | 2.271         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Hưng         | 1.008         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Phú          | 2.300         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Lạc          | 1.921         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hòa Thạnh          | 1.537         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Thới         | 3.491         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Bình Trinh         | 2.429         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Khương Thọ         | 3.242         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Minh Đồng          | 3.166         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Hòa Đông      | 4.833         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Hòa Long      | 4.253         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                     | Ấp Lợi An             | 3.358         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Đông Trung    | 4.643         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>73</b> | <b>Xã Phú Thành</b> |                       | <b>25.078</b> | <b>11</b>                 | <b>55</b>                               |         |
|           |                     | Ấp Bình Khánh         | 2.593         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Ninh          | 2.825         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Phú           | 2.212         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thọ Khương         | 2.947         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Nhựt          | 2.224         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Hưng          | 2.152         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Lạc           | 2.012         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Bình Cánh          | 1.443         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Phong        | 2.035         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Bình          | 1.974         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Quới           | 2.661         | 1                         | 5                                       |         |
| <b>74</b> | <b>Xã Long Bình</b> |                       | <b>30.710</b> | <b>13</b>                 | <b>65</b>                               |         |
|           |                     | Ấp Hòa Phú            | 2.668         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Quới An            | 2.333         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Hải           | 1.917         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Long Thới          | 2.187         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Phú Trung          | 1.359         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Khương Ninh        | 2.321         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Ninh Quới          | 2.375         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thới Hòa           | 1.464         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thuận Trị          | 3.107         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Xóm Thủ            | 3.198         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Hòa Thạnh          | 1.846         | 1                         | 5                                       |         |
|           |                     | Ấp Thạnh Lợi          | 2.994         | 1                         | 5                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                        | Ấp Lợi An             | 2.941         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>75</b> | <b>Xã Vĩnh Hựu</b>     |                       | <b>26.406</b> | <b>10</b>                    | <b>54</b>                                     |         |
|           |                        | Ấp Bình An            | 3.546         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp An Ninh            | 3.071         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Thạnh Thới         | 3.689         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Phú Quý            | 3.289         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Hòa Bình           | 2.852         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Phú Quới           | 1.934         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Vĩnh Quới          | 1.791         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Hưng Hòa           | 2.737         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Thới An A          | 1.781         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                        | Ấp Thới An B          | 1.716         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>76</b> | <b>Xã Gò Công Đông</b> |                       | <b>29.581</b> | <b>19</b>                    | <b>133</b>                                    |         |
|           |                        | Ấp Bà Canh            | 1.497         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Bà Lầy 1           | 1.524         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Bà Lầy 2           | 1.240         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Cầu Muống          | 1.988         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Cây Bàng           | 1.748         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Chợ                | 1.744         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Đèn Đỏ             | 2.322         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Giồng Đình         | 1.186         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Giồng Lanh 1       | 1.670         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Giồng Lanh 2       | 1.681         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Giồng Tân          | 1.171         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Kinh Giữa          | 1.827         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Kinh Ngang         | 1.719         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Láng               | 2.458         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Tân Phú            | 1.238         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Trại Cá            | 1.370         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Trại Ngang         | 1.342         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Vàm Kinh           | 794           | 1                            | 7                                             |         |
|           |                        | Ấp Xóm Gò             | 1.062         | 1                            | 7                                             |         |



| Stt       | Tên xã, phường     | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
| <b>77</b> | <b>Xã Tân Điền</b> |                       | <b>22.007</b> | <b>11</b>                    | <b>77</b>                                     |         |
|           |                    | Ấp Gò Me              | 3.669         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Kinh Trên          | 3.356         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Kinh Dưới          | 1.895         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Chợ Bến            | 2.026         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Xóm Đen            | 1.714         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Trung              | 1.944         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Nam                | 1.909         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Hộ                 | 1.904         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Bắc 1              | 1.533         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Bắc 2              | 1.534         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                    | Ấp Rạch Bùn           | 523           | 1                            | 7                                             |         |
| <b>78</b> | <b>Xã Tân Hòa</b>  |                       | <b>33.874</b> | <b>17</b>                    | <b>85</b>                                     |         |
|           |                    | Ấp Xóm Gò             | 1.806         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Hòa Thơm 1         | 1.050         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Hòa Thơm 2         | 1.642         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Lò Gạch            | 1.863         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Dương Phú          | 1.313         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Hòa Bình           | 3.143         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Thanh Hòa          | 3.135         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Vạn Thành          | 3.166         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Hiệp Trị 1         | 1.848         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Hiệp Trị 2         | 1.208         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Ruộng Cạn          | 2.301         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Dương Hòa          | 1.816         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Dương Quới         | 1.119         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Thanh Nhung 1      | 1.978         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Thanh Nhung 2      | 2.272         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Tân Xuân           | 1.745         | 1                            | 5                                             |         |
|           |                    | Ấp Nghĩa Chí          | 2.469         | 1                            | 5                                             |         |
| <b>79</b> | <b>Xã Tân Đông</b> |                       | <b>50.299</b> | <b>23</b>                    | <b>161</b>                                    |         |
|           |                    | Ấp Tân Tây 1          | 2.929         | 1                            | 7                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường      | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|---------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|-----------------------------------------------|---------|
|           |                     | Ấp Tân Tây 2          | 1.940         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Tây 3          | 3.549         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Tây 4          | 3.277         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Tây 5          | 2.701         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Tây 6          | 2.202         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Tây 7          | 2.192         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 1        | 1.896         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 2        | 1.296         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 3        | 2.241         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 4        | 3.298         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 5        | 2.830         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 6        | 3.297         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 7        | 1.622         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Tân Phước 8        | 2.013         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Gò Lức             | 2.656         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Gò Táo             | 2.289         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Bà Lãnh            | 2.002         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Bờ Kinh            | 1.691         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Chùa Đất Đỏ        | 1.752         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Ông Gòng           | 828           | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Xóm Dinh           | 545           | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Cầu Bà Trà         | 1.253         | 1                            | 7                                             |         |
| <b>80</b> | <b>Xã Gia Thuận</b> |                       | <b>44.654</b> | <b>25</b>                    | <b>175</b>                                    |         |
|           |                     | Ấp 1                  | 994           | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 2                  | 1.014         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 3                  | 1.504         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 4                  | 1.295         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 5                  | 1.351         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp 6                  | 2.323         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Đôi Ma 1           | 2.189         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Đôi Ma 2           | 2.820         | 1                            | 7                                             |         |
|           |                     | Ấp Đôi Ma 3           | 1.622         | 1                            | 7                                             |         |

| Stt       | Tên xã, phường     | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                    | Ấp Chợ 1              | 3.103         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Chợ 2              | 3.070         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Chợ 3              | 1.611         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Lăng 1             | 3.200         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Lăng 2             | 2.299         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Lăng 3             | 650           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Đình           | 1.329         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Bò Đề              | 1.549         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Giá Trên           | 1.144         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Giá Dưới           | 1.113         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Mới            | 1.279         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Chủ            | 1.197         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Tụ             | 1.197         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Cầu Xây            | 3.011         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Lưới           | 2.604         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                    | Ấp Xóm Rẫy            | 1.186         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>81</b> | <b>Xã Tân Thới</b> |                       | <b>32.197</b> | <b>19</b>                    | <b>95</b>                                        |         |
|           |                    | Ấp Tân Phú            | 2.708         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Quý            | 1.806         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Hưng           | 1.034         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Lợi            | 1.814         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Hiệp           | 1.107         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Bình           | 2.216         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Bình 2         | 1.041         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Hương          | 2.667         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Định           | 1.670         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Ninh           | 2.297         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Thạnh          | 2.015         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Xuân           | 2.813         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân An             | 1.668         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Hòa            | 902           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                    | Ấp Tân Lập            | 908           | 1                            | 5                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                        | Ấp Tân Thành          | 2.967         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                        | Ấp Tân Thành 1        | 740           | 1                            | 5                                                |         |
|           |                        | Ấp Tân Thành 2        | 1.018         | 1                            | 5                                                |         |
|           |                        | Ấp Tân Đông           | 806           | 1                            | 5                                                |         |
| <b>82</b> | <b>Xã Tân Phú Đông</b> |                       | <b>23.377</b> | <b>16</b>                    | <b>112</b>                                       |         |
|           |                        | Ấp Bãi Bùn            | 1.359         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Cả Thu 1           | 1.408         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Cả Thu 2           | 1.953         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Bà Lắm             | 1.551         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Kinh Nhiêm         | 1.414         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Tân Phú            | 1.729         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Giồng Keo          | 1.329         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Bà Tiên 1          | 1.753         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Bà Tiên 2          | 682           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Gành               | 1.712         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Lý Quàn 1          | 2.213         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Lý Quàn 2          | 1.880         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Bà Từ              | 1.262         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Pháo Đài           | 1.341         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Phú Hữu            | 1.586         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Ấp Cồn Cống           | 205           | 1                            | 7                                                |         |
| <b>83</b> | <b>Phường Mỹ Tho</b>   |                       | <b>57.754</b> | <b>36</b>                    | <b>252</b>                                       |         |
|           |                        | Khu phố 1             | 1.290         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 2             | 1.391         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 3             | 1.563         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 4             | 1.068         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 5             | 2.174         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 6             | 993           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 7             | 1.598         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 8             | 1.605         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 9             | 1.611         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 10            | 1.643         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|-------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                         | Khu phố 11            | 1.318         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 12            | 1.150         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 13            | 1.549         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 14            | 735           | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 15            | 1.844         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 16            | 1.489         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 17            | 1.049         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 18            | 1.077         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 19            | 2.016         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 20            | 2.407         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 21            | 1.049         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 22            | 2.747         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 23            | 3.447         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 24            | 1.984         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 25            | 3.157         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 26            | 1.598         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 27            | 2.781         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 28            | 1.123         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 29            | 1.819         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 30            | 1.454         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 31            | 1.294         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 32            | 876           | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 33            | 1.085         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố Thuận Hà      | 1.388         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố Tân Hòa       | 993           | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố Tân Bình      | 1.389         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>84</b> | <b>Phường Đạo Thạnh</b> |                       | <b>71.516</b> | <b>29</b>                 | <b>207</b>                              |         |
|           |                         | Khu phố 1             | 1.571         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 2             | 1.968         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 3             | 1.861         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 4             | 1.812         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                         | Khu phố 5             | 1.874         | 1                         | 7                                       |         |

| Stt       | Tên xã,<br>phường      | Tên ấp, khóm,<br>khu phố | Dân số        | Số<br>lượng<br>Đội<br>dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|--------------------------|---------------|------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                        | Khu phố 6                | 1.687         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 7                | 1.440         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 8                | 1.922         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 9                | 1.708         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 10               | 1.985         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 11               | 2.408         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 12               | 3.018         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 13               | 2.987         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 14               | 2.947         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 15               | 2.208         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 16               | 2.205         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 17               | 2.183         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 18               | 2.664         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 19               | 3.147         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 20               | 2.509         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 21               | 4.001         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 22               | 5.295         | 1                                  | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố 23               | 2.556         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 24               | 1.301         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 25               | 1.754         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 26               | 1.723         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 27               | 1.716         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Long Hòa A       | 5.770         | 1                                  | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố Long Hòa B       | 3.296         | 1                                  | 7                                                |         |
| <b>85</b> | <b>Phường Mỹ Phong</b> |                          | <b>41.178</b> | <b>20</b>                          | <b>142</b>                                       |         |
|           |                        | Khu phố 1                | 968           | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 2                | 2.271         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 3                | 828           | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 4                | 854           | 1                                  | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố 5                | 1.509         | 1                                  | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 6                | 1.082         | 1                                  | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân phòng | Số lượng<br>thành viên<br>Đội dân phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-----------------------|---------------|---------------------------|-----------------------------------------|---------|
|           |                        | Khu phố Mỹ Thạnh      | 3.736         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ An         | 3.015         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Lợi        | 2.093         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Hòa        | 2.759         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Hội Gia       | 1.396         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Phú        | 1.774         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Lương      | 2.464         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Hưng       | 1.892         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Bình Phong    | 3.223         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Bình Thành    | 1.374         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Bình Lợi      | 1.498         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Tân Tỉnh A    | 2.697         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Tân Tỉnh B    | 1.354         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Phong Thuận   | 4.391         | 1                         | 7                                       |         |
| <b>86</b> | <b>Phường Thới Sơn</b> |                       | <b>33.568</b> | <b>17</b>                 | <b>121</b>                              |         |
|           |                        | Khu phố 1             | 3.282         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 2             | 2.274         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 3             | 2.248         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 4             | 1.282         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 5             | 1.227         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 6             | 1.077         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 7             | 1.696         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 8             | 1.653         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 9             | 1.128         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 10            | 2.863         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 11            | 1.783         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố 12            | 4.608         | 1                         | 9                                       |         |
|           |                        | Khu phố Mỹ Thạnh Hưng | 1.512         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Thới Thạnh    | 2.072         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Thới Thuận    | 1.993         | 1                         | 7                                       |         |
|           |                        | Khu phố Thới Hòa      | 1.515         | 1                         | 7                                       |         |

| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                        | Khu phố Thới Bình     | 1.355         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>87</b> | <b>Phường Trung An</b> |                       | <b>53.177</b> | <b>20</b>                    | <b>146</b>                                       |         |
|           |                        | Khu phố 1             | 1.934         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 2             | 1.544         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 3             | 2.116         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 4             | 2.225         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 5             | 2.234         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 6             | 1.423         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 7             | 2.386         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 8             | 3.772         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 9             | 4.424         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 10            | 2.808         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Trung Lương   | 1.621         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Bình Tạo      | 4.361         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố Bình Tạo A    | 2.224         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố Chợ           | 4.164         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khu phố Đồng          | 1.778         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Long Mỹ       | 1.898         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Long Hưng     | 2.856         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Phước Hoà     | 3.630         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Phước Thuận   | 3.605         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố Giáp Nước     | 2.174         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>88</b> | <b>Phường Gò Công</b>  |                       | <b>27.520</b> | <b>18</b>                    | <b>126</b>                                       |         |
|           |                        | Khu phố 1             | 1.594         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 2             | 1.432         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 3             | 2.356         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 4             | 1.828         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 5             | 1.695         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 6             | 1.616         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 7             | 915           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khu phố 8             | 1.315         | 1                            | 7                                                |         |



| Stt       | Tên xã, phường           | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                          | Khu phố 9             | 1.460         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 10            | 2.371         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 11            | 1.514         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 12A           | 1.254         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 12B           | 681           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Kim Liên      | 1.865         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Giồng Cát     | 1.231         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Tân Xã        | 1.514         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Chợ Mới       | 1.192         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Việt Hùng     | 1.687         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>89</b> | <b>Phường Long Thuận</b> |                       | <b>22.486</b> | <b>13</b>                    | <b>91</b>                                        |         |
|           |                          | Khu phố 1             | 1.454         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 2             | 873           | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 3             | 1.737         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 4             | 1.705         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 5             | 1.606         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 6             | 1.982         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 7             | 1.381         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 8             | 1.623         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 9             | 1.350         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Thuận An      | 2.482         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Thuận Hòa     | 2.895         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Gò Tre        | 2.359         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố Xóm Dinh      | 1.039         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>90</b> | <b>Phường Bình Xuân</b>  |                       | <b>27.721</b> | <b>13</b>                    | <b>91</b>                                        |         |
|           |                          | Khu phố 1             | 1.822         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 2             | 2.449         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 3             | 2.200         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 4             | 2.727         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 5             | 3.555         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 6             | 1.723         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khu phố 7             | 2.465         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường        | Tên ấp, khóm, khu phố     | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|---------------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                       | Khu phố Long Hưng         | 2.353         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Long Bình         | 1.713         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Long Phước        | 1.632         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Long Mỹ           | 1.764         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Thành Nhứt        | 1.682         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Thành Nhì         | 1.636         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>91</b> | <b>Phường Sơn Qui</b> |                           | <b>45.694</b> | <b>18</b>                    | <b>128</b>                                       |         |
|           |                       | Khu phố Ông Non           | 2.655         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Ông Cai           | 3.204         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Sơn Qui A         | 2.620         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Sơn Qui B         | 2.147         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Gò Xoài           | 2.070         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Xã Lới            | 2.207         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Mỹ Xuân           | 3.189         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Hồng Rạng         | 3.195         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Trí Đồ            | 1.713         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Hòa Thân          | 2.945         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Lạc Hòa           | 2.296         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                       | Khu phố Muôn<br>Nghiep    | 4.481         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Cộng Lạc          | 2.963         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Năm Châu          | 3.198         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Lăng Hoàng<br>Gia | 1.638         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Hưng Hòa          | 1.664         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Hưng Phú          | 1.978         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khu phố Hưng<br>Thạnh     | 1.531         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>92</b> | <b>Phường An Bình</b> |                           | <b>33.023</b> | <b>11</b>                    | <b>81</b>                                        |         |
|           |                       | Khóm 1                    | 3.214         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm 2                    | 1.925         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm An Thạnh A           | 5.200         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                       | Khóm An Thạnh B           | 1.024         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm An Lợi               | 5.681         | 1                            | 9                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường           | Tên ấp, khóm, khu phố   | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|-------------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                          | Khóm An Lợi A           | 1.622         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khóm An Tài             | 1.268         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khóm An Lộc             | 3.985         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khóm An Hòa             | 4.024         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khóm An Thịnh           | 2.014         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                          | Khóm An Phước           | 3.066         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>93</b> | <b>Phường Hồng Ngự</b>   |                         | <b>53.952</b> | <b>18</b>                    | <b>162</b>                                       |         |
|           |                          | Khóm 1                  | 4.993         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm 2                  | 3.724         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm 3                  | 5.521         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm 4                  | 2.922         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm 5                  | 4.091         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm An Thành           | 2.692         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Hưng          | 1.514         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Hưng A        | 2.747         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Mương Nhà<br>Máy   | 1.973         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Cả Góc             | 1.928         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Tân Hòa            | 2.833         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Tân Hòa<br>Trung   | 2.600         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Tân Hòa<br>Thuận   | 4.464         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Lý            | 2.220         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Thành A       | 2.423         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Thành B       | 2.244         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Chánh         | 2.697         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Hòa           | 2.366         | 1                            | 9                                                |         |
| <b>94</b> | <b>Phường Thường Lạc</b> |                         | <b>39.759</b> | <b>12</b>                    | <b>108</b>                                       |         |
|           |                          | Khóm Bình Hòa<br>Thượng | 6.770         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Hòa Hạ        | 4.865         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm Bình Hòa<br>Trung  | 3.349         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                          | Khóm An Lạc             | 3.187         | 1                            | 9                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường         | Tên ấp, khóm, khu phố   | Dân số         | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|------------------------|-------------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                        | Khóm Cây Da             | 1.522          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Trà Đư 1           | 2.347          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Trà Đư 2           | 3.499          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Sở Thượng          | 4.987          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Cầu Muống          | 2.398          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Tứ Thường          | 2.302          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Thị                | 2.113          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Thường Thới<br>Hậu | 2.420          | 1                            | 9                                                |         |
| <b>95</b> | <b>Phường Cao Lãnh</b> |                         | <b>134.108</b> | <b>49</b>                    | <b>347</b>                                       |         |
|           |                        | Khóm 1                  | 2.528          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 2                  | 3.228          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 3                  | 2.424          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 4                  | 2.592          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 5                  | 877            | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 6                  | 2.024          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 7                  | 1.956          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 8                  | 2.988          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm 9                  | 3.611          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Mỹ Phước           | 2.990          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Mỹ Đức             | 1.571          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Mỹ Hưng            | 3.855          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Mỹ Long            | 2.365          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Mỹ Thiện           | 3.268          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Hòa Thuận          | 1.675          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Hòa Lạc            | 1.845          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Hòa An             | 2.809          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Hòa Hiệp           | 3.147          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Tân Thuận          | 2.197          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Tân Việt Hòa       | 2.574          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm Tịnh Thới          | 4.721          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                        | Khóm Phú An             | 3.867          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                        | Khóm An Nhơn            | 3.315          | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường        | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                       | Khóm Bến Bắc          | 2.239         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Thuận Trung      | 1.384         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Thuận An         | 1.928         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Thuận Phú        | 1.545         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Thuận Nghĩa      | 1.322         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Thuận Phát       | 1.490         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Hòa Long         | 3.842         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Hòa Mỹ           | 2.302         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Hòa Hưng         | 1.271         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Hòa Khánh        | 3.504         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Hòa Lợi          | 2.818         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Đông Bình        | 4.306         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tịnh Mỹ          | 3.514         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tịnh Châu        | 4.009         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tịnh Long        | 2.154         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tịnh Hưng        | 2.438         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tịnh Đông        | 1.640         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Tịch         | 2.352         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Dân          | 2.757         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Chủ          | 3.727         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Hùng         | 4.621         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Hậu          | 2.899         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Đông Định        | 4.274         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Đông Thạnh       | 3.702         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Đông Hòa         | 3.408         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm Tân Phát         | 2.235         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>96</b> | <b>Phường Mỹ Ngãi</b> |                       | <b>49.095</b> | <b>16</b>                    | <b>116</b>                                       |         |
|           |                       | Khóm 1                | 3.127         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm 2                | 1.783         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm 3                | 2.038         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                       | Khóm 4                | 3.709         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                       | Khóm 5                | 2.957         | 1                            | 7                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường       | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số         | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------|-----------------------|----------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                      | Khóm 6                | 1.327          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 7                | 2.099          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 8                | 1.847          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 9                | 5.779          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                      | Khóm 10               | 3.694          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 11               | 3.683          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 12               | 4.306          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 13               | 3.349          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 14               | 3.362          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 15               | 3.318          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 16               | 2.717          | 1                            | 7                                                |         |
| <b>97</b> | <b>Phường Mỹ Trà</b> |                       | <b>44.429</b>  | <b>16</b>                    | <b>116</b>                                       |         |
|           |                      | Khóm 1                | 4.346          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 2                | 1.751          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm 3                | 3.096          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Mỹ Thượng        | 2.378          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Mỹ Phú           | 2.012          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Mỹ Trung         | 1.867          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Mỹ Tây           | 2.379          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Mỹ Thuận         | 2.167          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm An Định          | 4.027          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                      | Khóm An Lạc           | 3.009          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                      | Khóm An Nghiệp        | 4.074          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Bình Dân         | 1.678          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Hòa Dân          | 3.702          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Bình Nhứt        | 2.775          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Nguyễn Cửu       | 2.707          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Thanh Tiến       | 2.461          | 1                            | 7                                                |         |
| <b>98</b> | <b>Phường Sa Đéc</b> |                       | <b>104.279</b> | <b>32</b>                    | <b>240</b>                                       |         |
|           |                      | Khóm Vĩnh Phước       | 2.989          | 1                            | 7                                                |         |
|           |                      | Khóm Cái Sơn          | 6.271          | 1                            | 9                                                |         |
|           |                      | Khóm Sa Giang         | 5.233          | 1                            | 9                                                |         |

| Stt       | Tên xã, phường             | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|-----------|----------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|           |                            | Khóm Vĩnh Hòa         | 2.965         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Cầu Đình         | 2.473         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Kiến An          | 2.821         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Phú Mỹ           | 7.071         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Hòa Khánh        | 6.044         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Hòa An           | 1.760         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Qui          | 3.247         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Long         | 2.502         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Vườn Hồng        | 3.895         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Hưng         | 2.000         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Cái Đôi          | 3.100         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân An           | 2.533         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Bình         | 5.212         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Thuận        | 2.275         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Hòa          | 3.707         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Mỹ           | 2.467         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Khánh Hòa        | 3.569         | 1                            | 9                                                |         |
|           |                            | Khóm Sa Nhiên         | 2.311         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Hiệp         | 2.382         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Huê          | 3.960         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Thành        | 2.675         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Lập          | 1.960         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Tân Lợi          | 1.191         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Đông Giang       | 1.269         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Đông Quới        | 2.229         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Đông Huê         | 2.665         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Khánh Nhơn       | 3.886         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Khánh Nghĩa      | 4.359         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khóm Đông Khánh       | 3.258         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>99</b> | <b>Phường Mỹ Phước Tây</b> |                       | <b>39.964</b> | <b>18</b>                    | <b>130</b>                                       |         |
|           |                            | Khu phố 1             | 4.332         | 1                            | 7                                                |         |
|           |                            | Khu phố 2             | 5.229         | 1                            | 9                                                |         |

| Stt        | Tên xã, phường          | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|------------|-------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|            |                         | Khu phố 3             | 1.021         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 4             | 888           | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 5             | 688           | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 6             | 1.811         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 7             | 870           | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Mỹ Hoà        | 2.675         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Mỹ Thạnh      | 1.681         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Mỹ Đa         | 1.646         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Mỹ Luận       | 1.441         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Mỹ Lợi        | 1.340         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Long Phước    | 3.447         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Rạch Trắc     | 2.450         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Cầu Dừa       | 2.294         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Kinh 12       | 4.729         | 1                            | 9                                                |         |
|            |                         | Khu phố Láng Biển     | 2.525         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Bà Bèo        | 897           | 1                            | 7                                                |         |
| <b>100</b> | <b>Phường Thanh Hòa</b> |                       | <b>20.613</b> | <b>13</b>                    | <b>91</b>                                        |         |
|            |                         | Khu phố 1             | 1.142         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 2             | 1.679         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 3             | 1.746         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 4             | 1.120         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố 5             | 1.034         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Tân Bình 1    | 2.594         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Tân Bình 2    | 1.609         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Tân Bình 3    | 1.061         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Tân Bình 4    | 1.924         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Thanh Sơn     | 2.092         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Thanh Hưng    | 1.439         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Thanh Bình    | 1.706         | 1                            | 7                                                |         |
|            |                         | Khu phố Thanh Hiệp    | 1.467         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>101</b> | <b>Phường Cai Lậy</b>   |                       | <b>34.105</b> | <b>15</b>                    | <b>107</b>                                       |         |
|            |                         | Khu phố 1A            | 4.516         | 1                            | 9                                                |         |



| Stt            | Tên xã, phường        | Tên ấp, khóm, khu phố | Dân số        | Số lượng<br>Đội dân<br>phòng | Số<br>lượng<br>thành<br>viên<br>Đội dân<br>phòng | Ghi chú |
|----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|                |                       | Khu phố 2A            | 2.320         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố 3A            | 488           | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố 1B            | 3.854         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố 2B            | 4.274         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố 3B            | 1.578         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Hòa Trí       | 1.342         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Hưng      | 2.457         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Hòa       | 1.562         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Mỹ Phú        | 2.581         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Hiệp      | 1.700         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Mỹ Vĩnh       | 1.629         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Hòa Nhơn      | 874           | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Hòa Nghĩa     | 980           | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Thuận     | 3.950         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>102</b>     | <b>Phường Nhị Quý</b> |                       | <b>27.029</b> | <b>12</b>                    | <b>84</b>                                        |         |
|                |                       | Khu phố Mỹ Lợi        | 2.211         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Mỹ Thuận      | 2.275         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Mỹ An         | 1.218         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Quý Thành     | 3.119         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Quý Chánh     | 3.834         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Quý Lợi       | 2.249         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Quý Phước     | 2.444         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Quý Trinh     | 1.342         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Hưng      | 1.747         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Hòa       | 1.850         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú Mỹ        | 2.182         | 1                            | 7                                                |         |
|                |                       | Khu phố Phú An        | 2.558         | 1                            | 7                                                |         |
| <b>Tổng số</b> |                       |                       |               | <b>1.703</b>                 | <b>10.159</b>                                    |         |